

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng kí thay đổi lần thứ 31 ngày 30/09/2020)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/SGD...- QĐ do cấp ngày ... tháng ... năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Địa chỉ: số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành Phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: +84 (280) 385 6425

Fax: +84 (280) 3852060

Website: www.tng.vn

Email: info@tng.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

Địa chỉ: Số 87, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Giấy phép thành lập và hoạt động số 97/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 04/09/2008 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 18/10/2018 theo giấy phép số 88/GPĐC-UBCK

Điện thoại: 028 3911 9999

Website: www.sjc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Văn Đức

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Điện thoại: 0914 462 992



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng kí thay đổi lần thứ 31 ngày 30/09/2020)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu:	Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Loại trái phiếu:	Trái không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
Mã trái phiếu:	TNG119007
Thời điểm đáo hạn:	Ngày 25 tháng 10 năm 2022
Lãi suất:	11,5%
Kỳ trả lãi:	Kỳ Thanh Toán Lãi là 03 (ba) tháng. Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán tiền mua Trái Phiếu (nếu Ngày Thanh Toán được thực hiện sau Ngày Phát Hành) và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên
Mệnh giá:	1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng)
Tổng số lượng niêm yết:	136 (bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu) trái phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	136.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)4 62 883 568

Website: www.deloitte.com

Email: deloittevietnam@deloitte.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Địa chỉ: Số 87, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028 3911 9999

Website: www.sjc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế	4
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù ngành	6
4. Rủi ro liên quan đến giá trái phiếu	7
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG	9
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
1.1. Thông tin chung	11
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	14
2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Công ty	22
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông	27
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 27/10/2020	27
3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/10/2020	27
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	27
4.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành	27
4.2. Công ty con của tổ chức phát hành	27
4.3. Công ty liên doanh, liên kết	28
5. Hoạt động kinh doanh	30
5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	30
5.2. Giá trị, sản lượng sản phẩm qua các năm	33
5.3. Nguyên vật liệu	35
5.4. Chi phí sản xuất	36
5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	37
5.6. Trình độ công nghệ	38
5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	39
5.8. Hoạt động Marketing	40
Chính sách bán hàng	40
5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	40
5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	40
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	41
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	41
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	42
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	43
8.1. Vị thế của công ty trong ngành	43
8.2. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành	44
8.3. Triển vọng phát triển của ngành	44
8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	46
9. Chính sách đối với người lao động	46
9.1. Số lượng và cơ cấu	46
9.2. Chính sách đối với người lao động	47

10.	Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của tổ chức niêm yết	47
11.	Tình hình tài chính	48
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	48
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	52
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	53
12.1.	Hội đồng quản trị	53
12.2.	Ban Giám đốc	62
12.3.	Ban Kiểm toán	65
12.4.	Kế toán trưởng	65
13.	Tài sản	66
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	69
14.1.	Chiến lược phát triển trung và dài hạn	69
14.2.	Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh	69
14.3.	Cơ sở của kế hoạch kinh doanh	69
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	70
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	71
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	72
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	73
1.	Loại Trái Phiếu	73
2.	Mệnh giá	73
3.	Ngày phát hành	73
4.	Ngày đáo hạn	73
5.	Thời hạn trái phiếu	73
6.	Mục đích phát hành	73
7.	Tổng số trái phiếu niêm yết	73
8.	Lãi suất	73
9.	Kỳ trả lãi	73
10.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành	73
11.	Xếp hạng tín nhiệm	73
12.	Phương pháp tính giá	73
13.	Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	74
14.	Phương thức thực hiện quyền	75
15.	Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	79
16.	Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	80
17.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	80
18.	Các loại thuế có liên quan	80
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	82
VII.	PHỤ LỤC	83
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN	81
X.	PHỤ LỤC	

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG (gọi tắt là “TNG” hoặc “Công ty”) là một doanh nghiệp sản xuất mặt hàng may mặc. Công ty có trụ sở chính tại Thái Nguyên với 12 nhà máy. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Bước sang nửa đầu năm 2020, trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu đang đối mặt với tình trạng suy thoái kinh tế sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua; thương mại toàn cầu tiếp tục suy giảm, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá dầu thô giảm mạnh do nhu cầu sử dụng hạn chế; thất nghiệp tăng cao. Theo các tổ chức quốc tế và thể chế tài chính, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ rơi vào suy thoái trong năm 2020. Cùng với đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng chính trị gia tăng giữa Mỹ - Iran, bất đồng nội bộ trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và trên bán đảo Triều Tiên đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam.

GDP 9 tháng đầu năm 2020 tăng 2,12%, là mức tăng thấp nhất của 9 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm. Kết quả trên cho thấy thắng lợi của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch bệnh.

Việc kinh tế thế giới đang suy thoái sâu do dịch viêm đường hô hấp thời gian qua gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất khẩu như Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư TNG. Hai thị trường lớn của Công ty là Mỹ và EU đang phải đối mặt với nền kinh tế sụt giảm nghiêm trọng do nhiều đợt bùng phát dịch bệnh với số ca nhiễm tăng nhanh. Tuy nhiên Công ty cũng đã chủ động đưa ra các giải pháp để duy trì tăng trưởng doanh thu trong bối cảnh khó khăn như đẩy mạnh doanh thu nội địa, phát triển thương hiệu TNG-fashion, phát triển các dòng sản phẩm có nhu cầu cao như khẩu trang y tế, đồ bảo hộ y tế,

Tình hình lạm phát

Sự biến động của lạm phát gây ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả nguyên vật liệu, nhân công, các chi phí đầu vào, giá cả hàng hóa cũng như nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm của Công ty. Việc lạm phát biến động một cách khó lường sẽ gây ra khó khăn cho Công ty trong việc đặt ra các chiến lược kinh doanh cũng như hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

Trong giai đoạn 2011 – 2019, Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 9,21% năm 2012, 6,6% năm 2013, 4,09% năm 2014, 0,63% năm 2015, 2,66% năm 2016, 3,53% năm 2017, 3,54% cho năm 2018 và 2,79% cho năm 2019. Điều này đã khiến tình hình kinh tế - xã hội trở nên ổn định, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp cũng vì thế mà được đẩy mạnh trong giai đoạn này.

Có thể thấy rằng việc lạm phát được kiểm chế ở mức hợp lý đang tạo ra nhiều thuận lợi cho hoạt động của khối doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG luôn chủ động trong kế hoạch mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp cho khách hàng.

Tỷ giá

Về yếu tố vĩ mô, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cũng như để bình ổn thị trường tài chính – tiền tệ, những năm vừa qua Ngân hàng Nhà nước luôn có những biện pháp quyết liệt để ổn định tỷ giá hối đoái. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cũng áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, tuy nhiên chủ yếu để thị trường tự điều tiết và chưa có động thái bán ra lượng lớn USD để can thiệp vào thị trường. Song với các biện pháp can thiệp của Fed như hạ lãi suất về mức 0%, đồng thời bơm một lượng tiền khổng lồ vào thị trường tài chính thông qua động thái mua trái phiếu, thị trường đã sớm bình ổn trở lại. Diễn biến tỷ giá nửa đầu năm 2020 của Việt Nam cũng được đánh giá là ổn định nhất so với các quốc gia trong khu vực. Cụ thể, VND chỉ mất giá 0,13% so với USD trong khi các đồng tiền khác trong khu vực chịu ảnh hưởng mất giá tương đối mạnh như IDR của Indonesia (mất giá 2,55%); THB của Thái Lan (mất giá 3,19%) và MYR của Malaysia (mất giá 4,89%) sau nửa đầu năm 2020.

Với đặc thù hoạt động sản xuất của Công ty là nhập khẩu hầu hết các nguyên vật liệu chính và xuất khẩu sản phẩm, TNG đã chủ động cân bằng nhu cầu sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu và nguồn thu ngoại tệ để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá.

Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, hầu hết các doanh nghiệp đều cần huy động vốn vay từ ngân hàng. Do đó, biến động lãi suất cho vay cũng ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty.

Nếu như trong giai đoạn 2010 – 2011, lãi suất cho vay luôn ở mức cao 20 – 25%/năm, thì kể từ năm 2012 cho đến nay, mặt bằng lãi suất đã giảm mạnh trong bối cảnh thanh khoản của hệ thống ngân hàng dần được cải thiện, hoạt động huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giám sát một cách chặt chẽ. Thời điểm hiện tại, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 9-11%/năm, đối với lĩnh vực ưu tiên là 7-9%/năm, thậm chí có những doanh nghiệp tốt có thể vay với lãi suất 6-7%/năm.

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG cũng có những khoản tín dụng từ các ngân hàng với lãi suất thả nổi. Do đó, khi lãi suất tăng cao sẽ có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền cũng như lợi nhuận của Công ty. Các khoản vay tính đến 6 tháng năm 2020 của Công ty

đang có lãi suất trung bình là 6%/năm. Ngoài ra, gần đây Công ty cũng huy động được các khoản vay dài hạn qua trái phiếu như gói trái phiếu chuyển đổi năm 2018 với lãi suất 4,8% điều chỉnh theo tỷ giá từng kỳ tính lãi hay gói trái phiếu tron năm 2019 lãi suất 11,5%/năm.

2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Ví dụ như đối với thị trường Hoa Kỳ, thuế suất hiện nay đang áp dụng đối với sản phẩm dệt may đang là 17 – 18%, 12% là thuế suất áp dụng cho sản phẩm dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU. Tuy nhiên năm 2020 dự đoán kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các nước châu Âu sẽ tăng trưởng mạnh nhờ việc ký hiệp định thương mại FTA Việt Nam – EU sẽ kéo mức thuế suất xuống 0%. Song song với cơ hội cũng là thách thức đối với các công ty may của Việt Nam. Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung, tiêu chuẩn cao hơn từ nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Công ty.

Được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của doanh nghiệp còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, ... có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng, ...

Với triển vọng các hiệp định thương mại như TPP hay EVFTA đã được kí kết, dệt may Việt Nam đang có nhiều cơ hội lớn để tăng trưởng tại các nước tại thị trường lớn trên thế giới.

Rủi ro về thị trường

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật, ... từ các thị trường này.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

Rủi ro về nguyên vật liệu

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của công ty thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may. TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài.

4. Rủi ro liên quan đến giá trái phiếu

Hiện tại, không có thị trường giao dịch xác định cho trái phiếu doanh nghiệp và Tổ Chức Niêm Yết không đảm bảo rằng họ sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và cũng không có gì đảm bảo được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm yết và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự. Tuy nhiên, là một công ty có nhiều kinh nghiệm trong ngành, công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG không ngừng nỗ lực, phát triển, tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, qua đó góp phần đảm bảo nguồn trả lãi trái phiếu.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Ông Nguyễn Văn Thời	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Lương Thị Thúy Hà	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
Bà Trần Thị Thu Hà	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Tổng Giám Đốc	Bà Nguyễn Diễm Ly
Ủy Quyền số	Số 02/UQ-SJCS/2020 ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành đã ký với Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- TNG : Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- SJC : Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- CK : Chứng khoán
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- Giấy CN ĐKKD : Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh
- CBTT : Công bố thông tin
- TPP : Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
- FTA : Hiệp định thương mại tự do

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TNG
- Tên tiếng Anh: TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Số CMND 090117809, cấp ngày 11/08/2014 tại Công an tỉnh Thái Nguyên
- Trụ sở chính: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: +84 28 03854462
- Fax: +84 28 03852060
- Website: www.tng.vn
- Email: info@tng.com
- Giấy CNĐKKD: Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
- Số tài khoản: 3901 0000 698 958
- Vốn điều lệ đăng ký: 739.960.050.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 739.960.050.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
2	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ.	8559
3	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú Chi tiết: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.	9620
4	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
5	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
6	Giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề may công nghiệp);	8532
7	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
8	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (sản xuất bao bì giấy);	1702
9	Sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc);	2220

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
10	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
11	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
12	In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE);	1811
13	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: In trên lụa (bao gồm in nhiệt) trên trang phục);	1313
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

- Sản phẩm chính: Sản phẩm may mặc (trừ trang phục từ da lông thú)

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.
- Ngày 07/5/1981 tại Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái sáp nhập Trạm May mặc Gia công thuộc Ty thương nghiệp vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên. Năm 1981 doanh thu của Công ty tăng gấp đôi năm 1980.
- Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước. Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.
- Năm 1992 Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
- Năm 1997 Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.
- Năm 2000, Công ty là thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).
- Ngày 02/01/2003 Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.
- Năm 2006 Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

- Ngày 18/03/2007 Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.
- Ngày 28/08/2007 Đại hội đồng Cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Ngày 14/11/2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu. Ngày 22/11/2007 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chính thức niêm yết trên HNX với mã giao dịch TNG.
- Năm 2008 được Tập đoàn dệt may Việt nam tặng cờ thi đua
- Năm 2009 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II
- Tháng 04 năm 210 Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyên may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.
- Ngày 10/12/2010 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.
- 13/06/2011 Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
- 31/12/2012 Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
- Ngày 28/1/2014 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu (Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.
- 2/2015 Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.
- 7/2015 Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.
- 2016: Khánh thành đưa vào hoạt động Trung Tâm thiết kế thời trang TNG và văn phòng làm việc của Công ty
- 2018: Thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 8 chuyên may
- 2019: Khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 16 chuyên may

Hiện nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600305723, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2003, đăng ký thay đổi lần 31 ngày 30/09/2020 do sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng.

❖ **Tình hình hoạt động sản xuất**

Đến nay TNG có 12 nhà máy may với 233 chuyên may, 2 nhà máy phụ trợ nhà máy thêu, giặt công nghiệp, sản xuất thùng túi, bao bì carton và nhà máy sản xuất bông, chần bông. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản hơn 3.800 tỉ đồng, mỗi năm doanh thu trên 4.500 tỉ đồng, được xếp hạng "TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" và "TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất ngành dệt may Việt nam".

1.3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2006	10.000.000.000	8.000.000.000	18.000.000.000	800.000	Phát hành ra công chứng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/08/2006
3/2007	18.000.000.000	36.300.000.000	54.300.000.000	3.630.000	Phát hành ra công chứng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/03/2007
27/01/2010	54.300.000.000	32.575.500.000	86.875.500.000	3.257.550	- Chia cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1 - Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009
12/2010	87.200.000.000	47.737.750.000	134.613.250.000	4.773.775	Phát hành ra công chứng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/4/2010 - Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phần ra công chứng
05/2014	134.613.250.000	13.460.900.000	148.074.150.000	1.346.090	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 300/NQ-HĐQT ngày 7/5/2014 - Ngày 20/05/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận phát

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>hành cổ phiếu để trả cổ tức</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Báo cáo kết quả phát hành số 541/TNG-BC ngày 11/6/2014 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành lần thứ 18 ngày 23/6/2014 cho công ty
26/12/2014	148.074.150.000	14.805.310.000	162.879.460.000	1.480.531	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết HĐQT số 560/NQ-HĐQT ngày 13/4/2014 18/12/2014 Công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 20 ngày 12/1/2015 cho công ty
09/02/2015	162.879.460.000	56.546.230.000	219.425.690.000	5.654.623	Phát hành cho người lao động: 718.813 cổ phần Bán ưu đãi, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đồng/cổ	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 247/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 13/4/2014 Nghị quyết HĐQT số 545/NQ-HĐQT ngày 30/9//2014 Nghị quyết HĐQT số 532/NQ-HĐQT ngày 4/9//2014 Ngày 9/2/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					phiếu: 4.935.804 cổ phần	Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG - Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp do , sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành lần thứ 21 ngày 6/3/2015 cho công ty
20/11/2015	219.425.690.000	21.939.160.000	241.364.850.000	2.193.916	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày 16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 22 cho công ty với vốn điều lệ là 241.364.850.000 đồng
15/01/2016	241.364.850.000	54.856.420.000	296.221.270.000	5.485.642	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua phát hành quyền mua tỷ lệ 4:1 giá 10.000đ/cp Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Nghị quyết HĐQT số 01A/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Nghị quyết HĐQT 01/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 23 cho công ty với vốn điều lệ là 296.221.270.000 đồng Nghị quyết Hội đồng Quản trị 05A-TNG-HĐQT ngày 7/6/2016 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2016 Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08A-TNG ngày 24/8/2016 Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10A/NQ-HĐQT ngày 22/8/2016 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2016 Nghị quyết Hội đồng Quản trị 9A/NQ-HĐQT ngày 14/7/2016 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2016 Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 24 ngày
06/09/2016	296.221.270.000	46.428.510.000	342.649.780.000	4.642.851	<ul style="list-style-type: none"> Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1 Phát hành cho người lao động 1.481,106 Phát hành nhằm hoán đổi cổ phiếu với CTCP Thời trang TNG 200,000 	

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						30/9/2016 cho công ty
12/07/2017	342.649.780.000	68.523.130.000	411.172.910.000	6.852.313	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 656C/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị 03A-TNG ngày 18/05/2017 - Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu. - Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 25 ngày 27/07/2017 cho công ty
03/07/2018	411.172.910.000	82.228.890.000	493.401.800.000	8.222.889	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10/05/2018 - Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu - Ngày 27/07/2018, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 26 cho công ty với vốn điều lệ là 493.401.800.000 đồng

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
12/03/2019	493.401.800.000	24.670.090.000	518.071.890.000	2.467.009	Phát hành cho người lao động 2.467.009 cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 344/NQHĐQT-TNG ngày 27/02/2019 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị 70/NQHĐQT-TNG ngày 15/01/2019 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2888/NQHĐQT-TNG ngày 6/12/2018 - Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu. - Ngày 05/04/2019, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 27 cho công ty với vốn điều lệ là 518.071.890.000 đồng
24/06/2019	518.071.890.000	103.608.090.000	621.679.980.000	10.360.809	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 859/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 21/4/2019 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị 933/NQHĐQT-TNG ngày 03/05/2019 - Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
13/12/2019	621.679.980.000	30.434.780.000	652.114.760.000	3.043.478	Phát hành 3.043.478 Cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu. - Ngày 04/07/2019, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 28 cho công ty với vốn điều lệ là 621.679.980.000 đồng - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018, thành cổ phần phổ thông - Nghị quyết HĐQT số 2433/NQ-NQHĐQT ngày 30/10/2019 - Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số 2823CV/TNG ngày 12/12/2019 - Của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu - Ngày 09/01/2020, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 29 cho công ty với vốn điều lệ là 652.114.760.000 đồng
24/07/2020	652.114.760.000	52.157.840.000	704.272.600.000	5.215.784	Chia Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1461/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2020 - Nghị quyết Hội đồng Quản trị 1528/NQ-HĐQT ngày 27/5/2020 - Ngày 24/7/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2089/CV-TNG ngày 20/7/2020 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.215.784 cổ phiếu.

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Vốn tăng (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Số lượng CP tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						- Ngày 11/08/2020, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 30 cho công ty với vốn điều lệ là 704.272.600.000 đồng
						- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018
						- Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020
26/08/2020	704.272.600.000	35.687.450.000	739.960.050.000	3.568.745	Phát hành 3.586.745 Cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	- Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 Của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu. - Ngày 30/9/2020, sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

Thông qua các BCTC các năm;

Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với các loại cổ phần đó;

Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

Bổ sung và sửa đổi điều lệ;

Quyết định loại và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

Quyết định chủ trương đầu tư hoặc các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;

Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 9 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm;

Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm;

Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Kiểm toán nội bộ:**

Ban kiểm toán có quyền và trách nhiệm như sau:

Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;

Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc, do HĐQT Công ty bổ nhiệm. Trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về các quyết định của mình.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh;

Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ Công ty theo đúng Điều lệ Công ty,

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;

Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty;

Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước HĐQT;

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty trong mảng công việc được giao.

❖ **Các phòng ban**

Phòng Xuất nhập khẩu: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác xuất, nhập khẩu, Phòng Xuất nhập khẩu có nhiệm vụ:

Thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu, làm Bill, CO, hoàn thiện hồ sơ chứng từ đòi tiền khách hàng.

Giao nhận hàng hóa, vận tải nội bộ cho các chi nhánh

Báo cáo quyết toán nguyên, vật liệu nhập khẩu, kim ngạch xuất nhập khẩu, Báo cáo thực hiện hợp đồng và quản lý chi phí xuất, nhập khẩu, vận tải hàng hóa;

Đảm bảo việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu;

Giám sát tiến độ giao hàng;

Phòng Đánh giá – Bảo hộ lao động:

- Thực hiện công tác Phòng chống cháy nổ;
- Thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động;
- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước;
- Chăm sóc sức khỏe ban đầu và trực sơ cấp cứu;
- Duy trì 5S: sàng lọc – sắp xếp – sạch sẽ – săn sóc – sẵn sàng
- Đào tạo nhân viên an toàn tại các đơn vị;
- Đánh giá trách nhiệm xã hội;
- Đánh giá an ninh chống khủng bố;
- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình liên quan đến phòng chống cháy nổ, giếng khoan và hệ thống chống sét; hệ thống xử lý nước thải.

Phòng Xây dựng cơ bản:

- Quản lý các dự án, công trình xây dựng cơ bản;
- Giám sát Thi công các công trình;
- Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Quản lý nhà cửa, vật kiến trúc;
- Bán hàng bất động sản;
- Lập dự toán các công trình cải tạo, sửa chữa (Bao gồm sửa chữa hệ thống điện, trạm điện, cấp thoát nước);

- Cải tạo sửa chữa công trình kiến trúc khi có đề nghị (Nhà xưởng, khuôn viên, hành lang, hệ thống nước nhà vệ sinh, các thiết bị vệ sinh, hệ thống nước thải, các công trình kiến trúc khác)

Phòng Nhân sự:

Quản lý công tác tổ chức nhân sự và công tác quản trị hành chính của Công ty. Phòng nhân sự có nhiệm vụ:

- Sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty;
- Tổng hợp báo cáo, phân tích chất lượng nguồn nhân lực toàn Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát công tác quản trị nhân sự và hành chính quản trị của toàn Công ty;
- Thực hiện công tác bảo vệ tài sản của CBCNV và của toàn Công ty;
- Quản lý hồ sơ của người lao động toàn Công ty;

Phòng Kế toán:

Quản lý công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Phòng Kế toán có nhiệm vụ:

- Thực hiện công tác kế toán của Công ty;
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời tiền vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Theo dõi và đôn đốc phối hợp với phòng kinh doanh thu hồi công nợ của Công ty;
- Kiểm tra thanh, quyết toán và quản lý giá thành xây dựng cơ bản;
- Quản lý giá thành sản xuất của toàn Công ty;
- Quản lý quỹ tiền mặt của Công ty;
- Kiểm tra, tổng hợp báo cáo thống kê tháng, quý, năm toàn Công ty;
- Kiểm tra, tổng hợp và phân tích báo cáo quyết toán tài chính tháng, quý, năm toàn Công ty;
- Tổng hợp, phân tích tỷ lệ các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm;
- Phối hợp với các đơn vị xây dựng và giao kế hoạch SXKD hàng năm;
- Xây dựng qui chế quản lý tài chính của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu chiến lược khách hàng và đơn hàng cho toàn công ty, chi nhánh;
- Giám sát và chỉ đạo thực hiện khai thác khách hàng theo định hướng của Hội đồng quản trị;
- Tìm kiếm khách hàng, đơn hàng, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh các chi nhánh;
- Cần đối và điều phối đơn hàng, khách hàng giữa các chi nhánh;
- Giám sát tiến độ thực hiện hợp đồng với khách hàng;
- Chịu trách nhiệm về tiến độ, hiệu quả hàng hóa đi gia công ở các Công ty bên ngoài;

Phòng Kỹ thuật, Công nghệ:

- Phân tích bố trí công nghệ sản xuất chuyên may, đề xuất ứng dụng thiết bị công nghệ mới;
- Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn, củng cố phần mềm tính đơn giá và xây dựng định mức giá thành chào hàng;
- Áp dụng công nghệ Lean cho sản xuất và phân tích hiệu quả của các sáng kiến cải tiến công nghệ;
- Thiết kế, may mẫu và phát triển mẫu mới theo ý tưởng, xu thế của thị trường;
- Chuyển giao yêu cầu kỹ thuật của mã hàng đã được xác nhận cho nhà máy;
- Phát triển mẫu theo hình thức ODM;
- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo nghề, dạy nghề;
- Xây dựng, tổ chức hoạt động thi thợ giỏi và nâng bậc.

Phòng Quản lý chất lượng:

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của TNG và tiêu chuẩn của khách hàng;
- Đánh giá hệ thống chất lượng đối với các đơn vị gia công cho TNG;
- Giám sát chất lượng hàng đi gia công tại đơn vị bên ngoài TNG;
- Quản lý, vận hành phòng LAB;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;

Phòng Quản lý thiết bị:

- Quản lý thiết bị;
- Quản lý phụ tùng;
- Quản lý công cụ dụng cụ;
- Quản lý, sửa chữa hệ thống điện, trạm điện, máy phát;
- Quản lý, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể chứa cháy;
- Quản lý hệ thống điều hòa;
- Quản lý hệ thống thang máy;
- Quản lý hệ thống lò hơi;
- Quản lý hệ thống máy nén khí;
- Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu suất sử dụng máy móc, thiết bị;

Phòng Công nghệ Thông tin:

Quản lý hệ thống mạng nội bộ, quản lý thiết bị văn phòng và quản lý Website của Công ty. Phòng Công nghệ Thông tin có nhiệm vụ:

Tổng hợp kế hoạch đầu tư thiết bị văn phòng của Công ty

Quản lý trang thiết bị văn phòng của toàn Công ty

Quản trị hệ thống mạng nội bộ trong toàn Công ty

Tiếp nhận thông tin để cập nhật lên Website của Công ty

Thiết kế, đổi mới giao diện Website và quản trị Website của Công ty

Quản lý hòm thư điện tử

Nghiên cứu, ứng dụng phần mềm quản lý vào công tác quản lý của Công ty

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 27/10/2020

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị sở hữu theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ %
Nguyễn Văn Thời	090117808	Tổ 18, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	13.587.167	135.871.670.000	18,36%
Trần Cảnh Thông	023324942	351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3, TP. HCM	5.641.822	56.418.220.000	7,62%
Nguyễn Đức Mạnh	090882528	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	5.402.940	54.029.400.000	7,30%
Tổng cộng			24.631.929	24.639.290.000	33,28%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/10/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trong nước	6.331	67.249.525	90,88%
	Tổ chức	31	1.030.702	1,39%
	Cá nhân	6.300	66.218.823	89,49%
2	Nước ngoài	68	6.746.480	9,12%
	Tổ chức	15	5.685.397	7,68%
	Cá nhân	53	1.061.083	1,43%
	TỔNG CỘNG	6.399	73.996.005	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

4.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

4.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu
	Vốn đăng ký (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 30/06/2020 (triệu đồng)	
Công ty TNHH TNG Fashion	50.000	-	100%
Công ty TNHH MTV TNG Eco Green	50.000	-	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

❖ **Công ty TNHH TNG Fashion**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540335 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thời trang
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (*)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

❖ **Công ty TNHH MTV Eco Green**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601534130 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/02/2019
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bất động sản
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (*)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

(*) Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chưa thực hiện góp vốn vào 2 công ty con là Công ty TNHH TNG Fashion và Công ty TNHH MTV Eco Green.

4.3. Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu
	Vốn đăng ký (triệu đồng)	Vốn thực góp tại 30/06/2020 (triệu đồng)	
Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái	1.573,7	771,15	49%
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	300.000	-	49%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

❖ **Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái**

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Mã số thuế: 4600100130 do cục thuế tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/09/1998
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.573.775.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2020: 1.573.775.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, TNG đã trích lập dự phòng 100% khoản đầu tư này.

❖ **Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG**

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540430 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày

20/06/2019

- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các sản phẩm hàng may mặc
- Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2020: 0 đồng (**)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

() Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG.*

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Ngoài ra hiện nay Công ty cũng đã phát triển và kinh doanh dòng sản phẩm đồ bảo hộ, khẩu trang y tế phục vụ nhu cầu trong diễn biến đại dịch Covid-19.

Ngoài ra Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của Công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts. Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Mỹ (37% doanh thu xuất khẩu 2019) và Pháp (32% doanh thu xuất khẩu 2019).

Đầu năm 2020, TNG đã được cấp chứng chỉ CE (tiêu chuẩn châu Âu), FDA (tiêu chuẩn Hoa Kỳ). Tính đến nay, TNG đã xuất được 4,5 triệu khẩu trang, 80 nghìn bộ trang phục bảo hộ y tế cho 12 nước như Anh, Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Tính tới cuối năm 2019, Công ty có 11 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 01 chi nhánh may phục vụ sản xuất bán hàng trong nước, 02 chi nhánh phụ trợ, 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ và 32 cửa hàng thời trang hoạt động trên phạm vi cả nước. Bên cạnh hoạt động xuất khẩu, Công ty đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa dưới thương hiệu TNG fashion. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới..

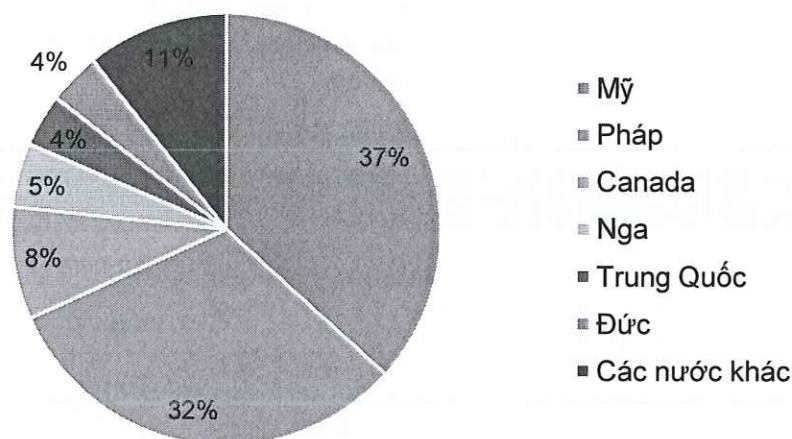
Bảng 1: Các nhà máy hạch toán trực thuộc TNG

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Công suất	Lao động	Thời gian hoạt động	Sản phẩm chính
1	Nhà máy may Việt Đức	Số 160 đường Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	2,2 triệu áo jacket/1 năm	1.350 người	Từ năm 1979 đến nay	Áo jacket
2	Nhà máy may Việt Thái	Số 221 đường Thống Nhất, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1,8 triệu áo jacket/1 năm	1.080 người	Từ năm 1979 đến nay	Áo jacket
3	Nhà máy may Sông Công 1,2,3	KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	7,7 triệu áo jacket/1 năm	4.288 người	Từ năm 2006 đến nay	Áo jacket, quần cargo, quần áo trẻ em
4	Nhà máy may Phú Bình 1, 2, 3, 4	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	4,5 triệu áo jacket/1 năm	3.780 người	Từ năm 2010 đến nay	padding jacket, denim pants, dress

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Công suất	Lao động	Thời gian hoạt động	Sản phẩm chính
5	Nhà máy may Đại Từ	xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	3 triệu áo jacket/1 năm	1.890 người	Từ 2015 đến nay	padding jacket, denim pants, dress
6	Nhà máy may Đồng Hỷ	xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	783 nghìn áo jacket/1 năm	486 người	từ năm 2018 đến nay	padding jacket, denim pants, dress
7	Nhà máy phụ trợ	KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	16.000 m2 carton/1 ngày 600 kg túi PE/1 ngày 20.000 yds bông/1 ngày		Từ năm 2006 đến nay	bao bì carton, túi PE, sợi bông
8	Chi nhánh thời trang TNG Fashion	Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên			Từ năm 2016 đến nay	

Nguồn: Báo cáo thường niên Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Bảng 2: Các địa bàn xuất khẩu chủ yếu của TNG



Nguồn: Báo cáo thường niên Công ty

Hình ảnh sản phẩm chính



Hình ảnh sản phẩm mới - đồ bảo hộ y tế

DOCTOR SCRUB Y014B/Y0149

PREGNANT WOMEN SCRUB Y0164

TNG
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

CE

FDA U.S. FOOD & DRUG
ADMINISTRATION

April 2020

GOWN & JUMPSUIT

- TC fabric: 65% Polyester & 35% Cotton
- KATE fabric: 60% Cotton & 40% Polyester
- COTTON fabric: 35% PE & 65% Cotton
- Delina fabric: 65% Polyester & 35% Cotton

b. Hoạt động kinh doanh Bất động sản

(i) Dự án TNG Village

Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp.Thái Nguyên

Quy mô dự án: diện tích đất 2,841m², tổng diện tích sàn 19.950 m²n với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Pháp lý:

- Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017
- Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019
- Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020

Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng

Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành và đang tiến hành bàn giao cho khách hàng, và bắt đầu từ ghi nhận doanh thu từ năm 2019, một phần 2020 và một phần năm 2021

(ii) Dự án: Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1

Vị trí: xã Sơn Cẩm, H.Phú Lương, Tp. Thái Nguyên

Quy mô dự án: 75ha

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Pháp lý:

- Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018
- Quyết định về phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên

Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng

Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 50% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của T.P Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án; từ đó làm cơ sở để giải phóng xong mặt bằng vào cuối năm 2020 và đầu năm 2021

5.2. Giá trị, sản lượng sản phẩm qua các năm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm giai đoạn 2018 – 9 tháng 2020

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng 2020
1	Áo jacket	Chiếc	7.400.000	8.350.000	7.038.000
2	Quần Cargo short	Chiếc	9.800.000	11.000.000	9.450.000
3	Bông tấm	Triệu yads	2.000.000	2.800.000	3.045.000
4	Thùng carton	m ²	2.500.000	2.700.000	2.340.000
5	Túi PE, PP	Tấn	150.000	210.000	211.200
6	Giặt công nghiệp	Chiếc	6.000.000	7.150.000	4.500.000
7	In công nghiệp		550.000	650.000	982.800
8	Thêu công nghiệp		2.700.000	2.800.000	2.880.000

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của Công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ Doanh thu, lợi nhuận

Bảng 4: Doanh thu theo sản phẩm giai đoạn 2018 – 9 tháng 2020

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng 2020		9 tháng 2020		
	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng	1.906.375	52,8%	2.727.515	59,1%	1.476.355	80,3%	-	-
2	Doanh thu gia công	1.572.317	43,5%	1.688.256	36,6%	313.294	17,0%	-	-
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	134.205	3,7%	159.745	3,5%	39.447	2,1%	-	-
4	Doanh thu bất động sản	-	-	42.026	0,9%	10.156	0,6%	-	-
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.612.897	100,0%	4.617.542	100,0%	1.839.251	100%	3.530.010	100%
5	Giảm trừ doanh thu	0	-	5.318	-	0	-	789	-
	Doanh thu thuần	3.612.897		4.612.224		1.839.251		3.529.221	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC hợp nhất 6 tháng soát xét và BCTC hợp nhất quý 3/2020

Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương

thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất.

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ thể, năm 2019, doanh thu thuần đạt 4.612 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2018; và trong giai đoạn 2014 – 2019, TNG đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân CAGR là xấp xỉ 24%/năm. Đây được xem là mức tăng trưởng ấn tượng so với trung bình ngành dệt may.

Về cơ cấu, doanh thu bán hàng (FOB) luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu của TNG (khoảng 50% đến 60%). Tuy nhiên, nửa đầu năm 2020 vừa qua, doanh thu bán hàng (FOB) tăng mạnh (chiếm 80% doanh thu) trong khi doanh thu gia công (CMT) giảm xuống 17% (giảm từ mức 36% của năm 2019). Nguyên nhân là do Công ty chuyển hướng tập trung sang sản xuất các sản phẩm phục vụ trong mùa dịch như khẩu trang Nano kháng khuẩn hay bộ đồ bảo hộ. Mặc dù xác định xu hướng dài hạn là tăng cường hình thức sản xuất FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

Bảng 5: Lợi nhuận giai đoạn 2018 – 9 tháng 2020

	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng 2020		9 tháng 2020	
	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1 Lợi nhuận gộp từ bán hàng	329.883	9,1%	166.376	3,6%	254.877	13,8%	-	-
2 Lợi nhuận gộp từ gia công	241.307	6,7%	584.254	12,7%	48.127	2,6%	-	-
3 Lợi nhuận gộp từ bán sản phẩm thời trang	69.787	1,9%	41.591	0,9%	8.176	0,4%	-	-
4 Lợi nhuận gộp bất động sản	-	-	4	0,0%	-90	0,0%	-	-
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	640.977	17,7%	786.906	17,1%	311.090	16,8%	532.399	15,1%
Lợi nhuận sau thuế	180.260	5,0%	230.111	5,0%	64.104	3,5%	129.074	3,6%

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018 và 2019, BCTC hợp nhất 6 tháng soát xét và BCTC hợp nhất quý 3/2020 của TNG

Về lợi nhuận, cơ cấu lợi nhuận của Công ty có tỷ trọng không đều, nếu như năm 2019 lợi nhuận gộp chủ yếu đến từ gia công sản phẩm may (CMT) thì sang 6 tháng đầu năm 2020 hơn 80% lợi nhuận gộp đến từ bán hàng (FOB). Nguyên nhân của việc này là do tác động của đại dịch Covid-19 thời điểm nửa đầu năm nay, TNG đã chủ động chuyển hướng tăng cường bán hàng may mặc, các sản phẩm phục vụ dịch như khẩu trang, đồ bảo hộ dẫn đến tăng mạnh tỷ trọng lợi nhuận mảng bán hàng. Mảng bán hàng cũng là mảng có biên lợi nhuận cao hơn mảng gia công cho các hàng thời trang khác.

5.3. Nguyên vật liệu

❖ Các nguyên vật liệu đầu vào chính

Công ty thường mua nguyên vật liệu từ nhiều nguồn khác nhau, cả trong nước và nước ngoài (hơn 90%). Trong những năm gần đây, tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú

và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ những nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,...

Bảng 6: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty

p	Đối tác	Hàng hóa
1	LIBERTY MILLS LTD	Vải chính, vải lót các loại
2	KAI CHERNG ENTER PRICE	Vải chính, phụ liệu các loại
3	REALTY TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
4	JANGKI TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
5	OS – SONG	Vải chính, vải lót các loại
6	FULTIDE ENTERPRISE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại

Nguồn: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

❖ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Trong suốt những năm qua, TNG đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... Đồng thời để tiếp cận các thị trường này, Công ty có người đại diện tại thành phố Thượng Hải, Trung Quốc để tìm nguồn, kiểm tra chất lượng, tiến độ và giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên, phụ liệu kịp thời cho sản xuất.

Mặc dù nguồn cung nguyên liệu trong nước không sẵn (phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu) song nguồn cung từ các nước như Trung Quốc, Đài Loan... lại khá dồi dào, phong phú và giá cả hợp lý và rất cạnh tranh. Ngoài ra đây đều là những thị trường có ngành may mặc khá phát triển, vị trí địa lý lại khá thuận lợi nên việc tiếp cận các nguồn cung này khá dễ dàng. Nhờ xây dựng được quan hệ tốt với các nhà cung cấp, TNG đã tìm kiếm được nguồn nguyên vật liệu đáp ứng nguyên phụ liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất.

❖ **Ảnh hưởng của nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận**

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của TNG, nguyên vật liệu chiếm tới 65%-70% giá vốn hàng bán, do đó biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận Công ty. Nhưng hầu hết các đối tác của Công ty đều do phía công ty chỉ định và hợp đồng đã được kí trước nên giá nguyên liệu tăng hay giảm không ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của công ty.

5.4. Chi phí sản xuất

Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2018 – 9 tháng 2020

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng 2020	
	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1 Giá vốn hàng bán	2.971.920	82,3%	3.825.318	82,9%	2.996.822	84,9%
2 Chi phí tài chính	136.193	3,8%	136.400	3,0%	106.465	3,0%
3 Chi phí bán hàng	101.800	2,8%	130.112	2,8%	118.958	3,4%
4 Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.464	5,9%	249.328	5,4%	162.365	4,6%

Tổng cộng	3.421.377	94,7%	4.341.158	94,1 %	3.384.610	95,9%
------------------	------------------	--------------	------------------	---------------	------------------	--------------

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019, và BCTC hợp nhất quý3/2020 của TNG

Tỷ lệ tổng chi phí sản xuất kinh doanh so với doanh thu thuần của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao qua các năm, cụ thể năm 2018 chiếm 94,7% tổng doanh thu.

Đối với doanh nghiệp sản xuất như TNG, và do đặc trưng của ngành, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu (82-84%). Nguyên nhân chính là do chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng rất lớn trong khâu sản xuất. Chi phí giá vốn hàng bán 9 tháng năm 2020 tương đương 84,9% doanh thu thuần, tăng 2 điểm % so với năm 2019 (82,9%) do diễn biến giá đầu vào nguyên vật liệu cuối năm 2019 và đầu năm 2020 có xu hướng tăng do tình hình dịch Covid-19.

Chi phí tài chính (trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay) năm 2019 tăng nhẹ so với năm 2018 do trong năm 2019 tiếp tục đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh (xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy TNG Đồng Hỷ với tổng mức đầu tư 250 tỷ đồng, xây dựng TNG Võ Nhai với tổng mức đầu tư 290 tỷ đồng, và đi vào hoạt động vào năm 2020). Trong năm 2020, tỷ lệ chi phí tài chính tăng cao do áp lực doanh thu trong tình hình dịch bệnh Covid-19 và đầu tư vào cụm công nghiệp Xuân Cẩm.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm 8-9% doanh thu. Chi phí bán hàng năm 2019 đạt 130,1 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2018 (101,8 tỷ đồng), chi phí bán hàng tại ghi nhận tại 9 tháng 2020 chiếm 3,4% doanh thu thuần, tăng so với năm 2019 (2,8%). Nguyên nhân của việc tăng này do giai đoạn cuối năm 2019 tới giữa năm 2020 Công ty đã đẩy mạnh đầu tư, phát triển hoạt động bán hàng, đặc biệt mảng xuất khẩu các sản phẩm như khẩu trang y tế, đồ bảo hộ dẫn đến chi phí bán hàng tăng. Chi phí quản lý doanh nghiệp được cắt giảm mạnh trong 2020 nhằm thực hiện chính sách tiết kiệm trong giai đoạn kinh tế khó khăn. Điều này cho thấy mặc dù Công ty vẫn tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp đã được Công ty kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả, góp phần cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty.

Xét trên tổng chi phí, TNG luôn duy trì tỷ lệ chi phí ở mức ổn định, đảm bảo được nguồn lợi nhuận cho Công ty qua các năm.

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty tích hợp các hệ thống cảnh báo cũng như hệ thống hỗ trợ đánh giá chất lượng sản phẩm và với hệ thống quản trị ERP có sẵn nhằm cải tiến và nâng cấp, giúp kết nối tất cả phân hệ trên phần mềm quản trị ERP nhằm phát hiện ra những sai sót trong các khâu cắt, may, in ấn, phát hiện kim loại tại bất kỳ thời điểm nào một cách nhanh nhất và giảm thiểu rủi ro về chất lượng sản phẩm cho doanh nghiệp.

Nhờ việc tăng cường giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm đạt hiệu quả, Công ty đã trở thành đối tác tin cậy cho các công ty lớn trên thế giới như Decathlon, TCP, Adidas, A&F, Comtextile và có thêm được khách hàng mới trong năm 2019 là Nike, Puma. Trong năm 2020, mặc dù thị trường có nhiều khó khăn do dịch bệnh, nhờ kiểm soát tốt chất lượng, công ty vẫn giữ vững quan hệ với các đối tác truyền thống lâu năm.

5.6. Trình độ công nghệ

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các Xí nghiệp may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giã sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giã sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhảy cỡ và giã sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/ Iextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

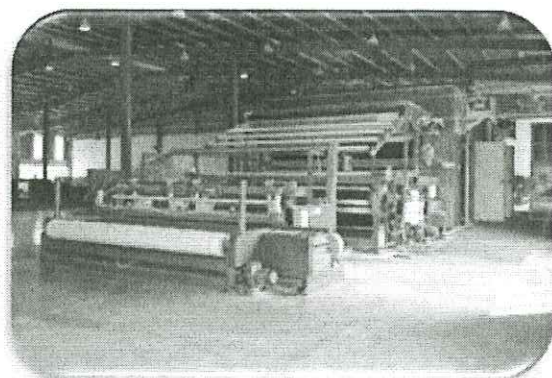
Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần/năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2,5 triệu mũi/năm.

Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của Công ty



Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Hệ thống máy giặt công nghiệp

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, Công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, Công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 8: Một số phần mềm ứng dụng tại Công ty TNG

Stt	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
3	Bravo	Quản lý bán hàng
4	ERP TNG	Quản lý chăm công
5	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
6	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
7	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
8	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhảy cỡ
9	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
10	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ

5.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới gắn liền với quá trình thực tế sản xuất các sản phẩm của Công ty. Do đó, Công ty đã đầu tư vào Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ những năm gần đây. Bộ phận này thực hiện việc nghiên cứu, phân tích, thiết kế các công nghệ, sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại. Phòng nghiên cứu phát triển tại TNG có những nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng công nghệ của: Cát, may, hoàn thiện
- Nghiên cứu, áp dụng ke cỡ giá
- Nghiên cứu, phân tích và đào tạo thao tác chuẩn cho công nhân cắt may hoàn thiện
- Tính năng lực công nhân cân bằng chuyền may để tăng hiệu suất
- Nghiên cứu ứng dụng thiết bị công nghệ mới
- Đào tạo tổ trưởng, nhân viên công nghệ

Gần đây Công ty TNG cũng đã đạt được những thành tựu nổi bật trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới như:

- Sản phẩm đường may không chỉ - kiểu dáng thời trang, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường – được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 2773/2018/QTG ngày 04/06/2018 cho “Bài viết về quá trình sản xuất áo sơ mi đường may không chỉ theo công nghệ ép seam”
- Tác phẩm Bông Downlike – Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 3880/2019/QTG ngày 28 tháng 06 năm 2019

5.8. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Mê-xi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thống để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang Nga...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành.

Đối với các nhà cung cấp, hàng năm Công ty đều đánh giá, tôn vinh các nhà cung cấp đã có nhiều đóng góp cho kết quả của Công ty.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là LIMA và TNG đã được đăng kí với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.



5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đang được công ty thực hiện hoặc ký kết

STT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
1	Hợp đồng nguyên tắc	Annex 06	19/12/2018	Quần áo thể thao	Desipro Pte, Ltd	31 Tangjong Pagar Road, #04-01, Singapore 088454	31/12/2020	1.572.112
2	Hợp đồng gia công	01-TNG/TCP 2020	01/01/2020	Quần áo trẻ em	The Children's Place services company, LLC	915 Secaucus road, secaucus, New Jersey 07094, USA	31/12/2020	655.847
3	Hợp đồng gia công	01/ASM-TNG/2020	20/01/2020	Quần áo thời trang	Asmara International Limited	Unit 8B, Tong yuen Factory Building, 505 Castle Peak Road, Lai Chi Kok, Kowloon, HongKong	20/01/2021	605.936
4	Hợp đồng gia công	01/Haddad-TNG/2020	04/01/2020	Quần áo trẻ em	The Haddad Apparell Group, LTD	100 West 33rd street, suite 1115, New York, NY 1001 USA	31/12/2020	413.888
5	Hợp đồng gia công	TNG01-COM/20	01/01/2020	Quần áo thời trang	Comtextile H.K. LTD	Flat P, 11/3 Kaiser Estate, Phase 3, 11 Hok Yuen Street, Hunghom, Kowloon, Hong Kong	31/12/2020	301.123
6	Hợp đồng gia công	SM19/018 0-SS20	09/04/2019	Quần áo thể thao	Sportmaster Ltd	Room 102, bld, 2,18 Miklukho - Maklaya, Moscow, 117437, Rusia	09/04/2021	162.551

TNG cũng cho biết, hiện công ty đã kí hợp đồng cơ bản đủ hàng sản xuất hết quý I năm 2021 và tiếp tục nhận đơn đặt hàng cho quý II, III năm 2021.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	9 tháng 2020
Tổng giá trị tài sản	2.595	3.027	16,6%	3.837
Vốn chủ sở hữu	794	1.067	34,3%	1.153
Doanh thu thuần	3.613	4.612	27,6%	3.529
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	219	292	33,4%	170
Lợi nhuận khác	-5	-4	20%	-14
Lợi nhuận trước thuế	214	289	35,1%	156
Lợi nhuận sau thuế	180	230	27,8%	129
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	25,3%	24,7%	-	-
Lợi nhuận trả cổ tức/LNST	57,5%	45,3%	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC riêng quý 3/2020 của TNG

Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	9 tháng 2020
Tổng giá trị tài sản	2.595	3.027	16,6%	3.837
Vốn chủ sở hữu	794	1.067	34,3%	1.153
Doanh thu thuần	3.613	4.612	27,6%	3.529
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	219	292	33,4%	170
Lợi nhuận khác	-5	-4	20%	-14
Lợi nhuận trước thuế	214	289	35,1%	156
Lợi nhuận sau thuế	180	230	27,8%	129
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	25,3%	24,7%	-	-
Lợi nhuận trả cổ tức/LNST	57,5%	45,3%	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2018, 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020 của TNG

Năm 2019, tổng giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng trưởng tốt, lần lượt tăng 16,6% và 34,3% so với năm 2018. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 16%, đạt 1.594 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng 17%, đạt 1.433 tỷ đồng.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần năm 2019 tăng từ 3.613 tỷ đồng lên 4.612 tỷ đồng, tương đương mức tăng 27,6%. Với các nỗ lực cải tổ bộ máy quản trị, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, biên lợi nhuận của Công ty được cải thiện đáng kể. Theo đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 292 tỷ đồng tại cuối năm 2019, tăng mạnh 33,4% so với năm 2018. Nhờ vậy, các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều có mức tăng ấn tượng. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của TNG đạt 289 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 230 tỷ đồng, tăng lần lượt 35,1% và 27,8% so với kết quả thực hiện năm 2018. Kết quả nửa đầu năm 2020 chứng kiến tăng trưởng sụt giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại các thị trường xuất khẩu chính. Mặc dù có nhiều khó khăn trong xuất khẩu, ban lãnh đạo Công ty đã có những chiến lược phát triển đúng đắn như đẩy mạnh tỷ trọng bán hàng nội địa, chuyển hướng nghiên cứu và phát triển dòng sản phẩm khẩu trang và đồ bảo hộ nhằm bù đắp thiếu hụt doanh thu tại các thị trường lớn. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 giảm lần lượt 9,9% và 29% so với cùng kỳ năm 2019. Bước sang quý 3, công ty thể hiện sự cải thiện so với các tháng đầu năm. Doanh thu quý 3 năm 2020 đạt 1.691 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ 2019. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vẫn giảm 20% do tình hình dịch bệnh ở các thị trường trọng điểm vẫn diễn biến phức tạp. Tính chung 9 tháng đầu năm, doanh thu TNG gần như đi ngang (giảm 1%) và lợi nhuận sau thuế giảm 26% so với cùng kỳ năm 2019.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;

Năm 2019, Công ty đã đầu tư và tiến hành thi công Chi nhánh May TNG Võ Nhai với 34 chuyền may hiện đại và công nghệ quản lý tiên tiến, công suất dự kiến khoảng 6 triệu sản phẩm/năm. Mở rộng sản xuất bằng việc đầu tư mới với dây chuyền hiện đại sẽ giúp Công ty nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng mới cũng như nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai;

Hiệp định thương mại tự do EVFTA được kí kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của Công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;

Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 15.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên Công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;

Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng Công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

❖ Khó khăn

- Thương hiệu “TNG Fashion” tuy được các nhà nhập khẩu nước ngoài đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước, điều này chứng tỏ công tác quảng bá và phát triển thương hiệu chưa thực sự tốt;
- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với Công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, Công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là nhưng nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho quá trình xuất khẩu của Công ty.
- Đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát tại các thị trường xuất khẩu chính sẽ là một khó khăn lớn trong giai đoạn tới với Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành May Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công Thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Với vị trí nằm trong top 10 doanh nghiệp trong vô số những công ty may mặc có mặt tại Việt Nam, TNG đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; trong các thế mạnh đó phải kể đến các hợp đồng gia công Quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu

dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 12 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng kênh TNG Fashion Store hứa hẹn TNG tăng trưởng đột phá trong thời gian tới.

8.2. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Trên thị trường chứng khoán hiện nay có khá nhiều công ty sản xuất hàng may mặc đã niêm yết. Một số thông tin về doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành may mặc đã niêm yết như sau

Bảng 11: So sánh hoạt động kinh doanh với các công ty niêm yết trong ngành

Đơn vị: tỷ đồng

Tên Công ty	Mã Chứng khoán	Sàn giao dịch	EPS 2019 (đồng)	ROE (%)	Vốn điều lệ 2019	Tổng tài sản 2019	Doanh thu thuần 2019	LNST 2019
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	TNG	HNX	3.717	24,73	652	3.027	4.612	230
CTCP Dệt may Thành Công	TCM	HOSE	3.166	17,11	580	2.922	3.644	217
CTCP May Sông Hồng	MSH	HOSE	9.113	41,47	500	2.566	4.411	450
CTCP Garmex Sài Gòn	GMC	HOSE	5.858	24,18	179	1.029	1.747	104
CTCP May mặc Bình Dương	BDG	Upcom	8.421	36,37	120	597	1.514	101
CTCP May Việt Tiến	VGG	Upcom	7.131	22,00	441	4.983	9.036	418

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của các Công ty

So sánh với các công ty khác trong ngành nêu trên, hoạt động kinh doanh năm 2019 của TNG mang lại lợi nhuận đứng thứ hai tính trên quy mô vốn (sau CTCP May mặc Bình Dương) với ROE đạt 24,73%. Theo bảng số liệu, TNG cũng là doanh nghiệp thuộc top 3 doanh nghiệp lớn theo quy mô tổng tài sản, doanh thu và lợi nhuận.

8.3. Triển vọng phát triển của ngành

Giai đoạn sắp tới, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa khi Việt Nam thuận lợi ký kết thành công Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu – EVFTA.

Hiệp định EVFTA - Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu

Khu vực châu Âu (bao gồm các nước như Pháp, Đức, Hà Lan, ...) là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của hàng may mặc Việt Nam (sau Mỹ), chiếm 11,3% kim ngạch xuất khẩu dệt may, đạt 4.3 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam vào EU liên tục tăng bình quân 6,1%/năm giai đoạn 2015-2019. Với tổng số dân lên đến 500 triệu người, đa số sống ở thành thị, thu nhập cao chính vì thế nhu cầu nhập khẩu hàng dệt may của các nước liên minh châu Âu khoảng hơn 250 tỷ USD mỗi năm. Hiện nay, Việt Nam là một trong sáu nước xuất khẩu hàng dệt may vào châu Âu nhiều nhất (đứng sau Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Cambodia).

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình Xuất Nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may

Mục tiêu cho ngành Dệt may từ năm 2017-2020, Dệt may Việt Nam sẽ phấn đấu đứng trong top hai, hoặc top ba các nước xuất khẩu dệt may lớn nhất trên toàn thế giới. Đồng thời, Việt Nam sẽ phấn đấu để 5-7% thương hiệu Việt hội nhập và có chỗ đứng trong ngành thời trang, dệt may của thế giới.

Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ vào tình hình nội tại của doanh nghiệp và định hướng của ngành cùng chính sách của Nhà nước, Công ty cũng đã bàn luận trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và đưa ra những hướng triển khai phù hợp, đồng thời nâng cao vị thế đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc trong nước. Cụ thể như sau:

May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu,...

Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Mỹ, tiếp cận khai thác thị trường Nhật Bản.

Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị theo công nghệ mới.

Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.

Định hướng phát triển ngành may mặc là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phụ trợ đồng thời chú trọng phát triển thị trường nội địa là rất phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt Nam trong thời gian tới...

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2019 là 15.670 người, được phân loại như bảng dưới đây:

Bảng 12: Cơ cấu lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trên đại học	53
2. Trình độ đại học	2.178
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	1.739
4. Khác	11.700
II. Phân theo phân công lao động	
1. Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc	18
2. Lao động quản lý	166
3. Lao động trực tiếp	15.486

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

9.2. Chính sách đối với người lao động

Là một doanh nghiệp đông lao động, Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.

Chính sách đào tạo: Đối với người lao động mới và chưa biết nghề may công nghiệp sẽ được Công ty ký hợp đồng đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, Công ty còn hỗ trợ tiền học phí với con của CBCNV đang học tại các trường đại học có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty.

Chính sách lương thưởng: Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên 03 thành tố: Know, how, Giải quyết vấn đề và trách nhiệm. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Công ty cũng thực hiện chính sách công khai mức lương, theo đó lao động của công ty được xếp thành 7 cấp khác nhau, tiêu chí xếp hạng và mức lương của từng hạng được công khai để người lao động cùng theo dõi và phấn đấu.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan dã ngoại nước ngoài, bằng cổ phiếu để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

10. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của tổ chức niêm yết

10.1. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu

Trái phiếu được phát hành nhằm mục đích:

- (i) *Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc*
- (ii) *Cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc*
- (iii) *Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành*

Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn cho (các) dự án đang thực hiện và sẽ triển khai và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công ty có thể sẽ cần huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của Tổ Chức Niêm Yết

Trong thời hạn của Trái Phiếu, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ chung không phải là nợ thứ cấp và được đảm bảo khác (dù là nghĩa vụ hiện tại hay tương lai) của Tổ Chức Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo nghĩa vụ của pháp luật). Các Trái phiếu có quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Trong thời hạn của Trái phiếu, khi thanh lý tài sản của Tổ Chức Niêm Yết nhằm mục đích giải thể hay phá sản của Tổ Chức Niêm Yết, Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và nhà nước nhưng trước so với chủ sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết. Trong trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Niêm Yết, từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên thanh toán được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với nghĩa vụ nợ và nghĩa vụ tài chính đó.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 13: Vốn chủ sở hữu giai đoạn 2018 – 9 tháng 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Vốn điều lệ	493.402	652.115	739.960
2	Thặng dư vốn cổ phần	30.520	35.086	37.398
3	Các quỹ	89.869	149.390	246.587
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	180.273	230.130	129.104
	Tổng cộng	794.064	1.066.721	1.153.049

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 14: Chính sách khấu hao tài sản cố định

STT	Các loại tài sản	Số năm
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 – 40
2	Máy móc và thiết bị	3 - 20
3	Phương tiện vận tải	6 – 10
4	Thiết bị văn phòng	3 – 9
5	Tài sản khác	5 - 7

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân tính trên toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty năm 2019 là 9,5 triệu đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản vay và trái phiếu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

Các khoản phải nộp theo luật định

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại của Công ty là 20% và thuế giá trị gia tăng áp dụng là 10%. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau

Bảng 15: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
Quỹ đầu tư phát triển	56.826	107.334	193.025
Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.422	3.301	17.973
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.566	38.699	55.419
Tổng	89.814	149.334	266.417

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020

Tổng dư nợ vay

Vay và nợ ngắn hạn

Bảng 16: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020	30/09/2020
I.	Vay ngân hàng	1.030.866	1.050.792	1.644.928	1.401.841
	<i>Vay ngắn hạn</i>	885.923	903.296	1.534.153	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	329.921	426.029	479.955	
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Thái Nguyên	538.069	445.712	866.316	
3	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	17.383	19.161	40.708	
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	12.046	99.845	

STT	Đối tượng	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020	30/09/2020
	– Chi nhánh Thái Nguyên				
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank – Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	46.205	
6	Các khoản vay ngắn hạn khác	550	349	1.124	
	<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	144.942	147.496	110.775	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	21.406	27.799	43.685	
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên	36.185	25.012	18.138	
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	87.351	70.148	19.695	
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	24.537	29.257	
II.	Trái phiếu			13.600	27.200
5	Trái phiếu thường	-	-	13.600	27.200
	Tổng cộng	1.030.866	1.050.792	1.685.528	1.429.041

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019, BCTC soát xét 6 tháng 2020 và BTCT hợp nhất quý 3/2020

Vay và nợ dài hạn

Bảng 17: Chi tiết các khoản vay dài hạn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tượng	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020	30/09/2020
I.	Vay ngân hàng	228.641	245.075	236.958	298.217
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Thái Nguyên	83.575	110.198	119.994	
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	-	87.177	83.566	
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	96.502	23.339	17.765	
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên	48.564	24.361	15.633	
II.	Trái phiếu	200.000	301.000	287.400	385.800
1	Trái phiếu thường	-	136.000	122.400(*)	258.800(*)
2	Trái phiếu chuyển đổi	200.000	165.000	165.000	127.000
	Tổng cộng	428.641	546.075	524.358	684.017

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2019, BCTC soát xét 6 tháng 2020 và BTCT hợp nhất quý 3/2020

(*) Một phần trái phiếu có kỳ hạn 3 năm được trình bày trong **Chi tiết các khoản vay ngắn hạn** do trái chủ có quyền thực hiện Quyền yêu cầu Tổ chức phát hành mua lại trước hạn. Chi tiết được trình bày ở mục V.14. Phương pháp thực hiện quyền của Bản cáo bạch này.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn			
Phải thu khách hàng	455.674	302.824	757.811
Trả trước người bán	5.889	7.473	7.739
Các khoản phải thu khác	21.626	53.845	40.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.146)	-	(784)
Tổng cộng	478.043	364.142	805.225

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020

Các khoản phải trả

Bảng 19: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Các khoản phải trả ngắn hạn			
Phải trả cho người bán	219.466	228.968	401.434
Người mua trả tiền trước	1.975	1.542	23.707
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	16.451	22.574	24.516
Phải trả người lao động	49.937	59.043	49.462
Chi phí phải trả	25.218	34.572	34.285
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.394	13.821	19.136
Tổng cộng	332.441	360.520	552.540

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020

Hàng tồn kho

Bảng 20: Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Hàng mua đang đi đường	18.821	25.081	-
Nguyên liệu, vật liệu	259.193	246.816	292.687

Công cụ, dụng cụ	4.237	2.233	2.629
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	116.199	181.703	186.835
Thành phẩm	428.914	409.233	392.682
Hàng gửi bán	711	-	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.643)	(4.663)	(7.294)
Tổng cộng	822.431	860.402	867.538

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018 và 2019 và BCTC hợp nhất quý 3/2020

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,00	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	0,40	0,52
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,27	1,84
Hệ số đòn bẩy tài chính	3,27	2,84
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,61	4,45
Vòng quay tài sản	1,39	1,52
Vòng quay khoản phải thu	7,93	15,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Biên lợi nhuận gộp	17,74%	17,06%
Biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,07%	6,33%
Biên lợi nhuận ròng	4,99%	4,99%
ROEA	25,33%	24,73%
ROAA	7,48%	8,18%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán Công ty năm 2018, 2019

Bảng 22: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty

	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		

Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,00	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	0,40	0,52
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,27	1,84
Hệ số đòn bẩy tài chính	3,27	2,84
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,61	4,45
Vòng quay tài sản	1,39	1,64
Vòng quay khoản phải thu	7,93	15,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Biên lợi nhuận gộp	17,74%	17,06%
Biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,07%	6,33%
Biên lợi nhuận ròng	4,99%	4,99%
ROEA	25,33%	24,73%
ROAA	7,48%	8,18%
Thu nhập trên cổ phần EPS (VNĐ)	2.733	3.717

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán Công ty năm 2018, 2019

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Trần Cảnh Thông	Thành Viên HĐQT
5	Lương Thị Thúy Hà	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
8	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT
9	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lý lịch

❖ Ông Nguyễn Văn Thời - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Văn Thời

Số CMND: 090117808 Nơi cấp: CA Thái Nguyên Ngày cấp: 11/08/2014
Giới tính: Nam
Điện thoại liên hệ: 02803 856425
Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mở, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
6/1982 - 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 - 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 - 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 - 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 - 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 - 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2013 - nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
- Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion

Số cổ phần nắm giữ: 13.587.167 cổ phần (tương ứng 18,36% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 13.587.167 cổ phần (tương ứng với 18,36% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	1.613.064	2,18%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	5.402.940	7,30%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.332.805	4,50%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	611	0,00%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	235.158	0,32%
6	Nguyễn Thị Miện	Em gái	261.475	0,35%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	81.561	0,12%

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ Ông Nguyễn Văn Đức – Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Nguyễn Văn Đức

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/12/1977

Số CMTND: 090709267 Nơi cấp: CA Thái Nguyên , Ngày cấp: 01/11/2009

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: 02803 856425

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Xã Quyết Thắng, TP, Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1997 – 2007	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2008 – 2011	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2016	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2016 – 05/2017	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
05/2017 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 157.668 cổ phần (tương ứng 0,21% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 157.668 cổ phần (tương ứng với 0,21% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ Ông Nguyễn Đức Mạnh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
Số CMTND: 090882528 Nơi cấp: Thái Nguyên Ngày cấp: 20/05/2013
Quốc tịch: Việt Nam
Điện thoại liên hệ: 02803 856425
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin, Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 8/2014	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 – 05/2017	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2017 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – nay	Giám đốc - Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – nay	Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TNG Fashion

Số cổ phần nắm giữ: 5.402.940 cổ phần (tương ứng 7,3% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.402.940 cổ phần (tương ứng với 7,3% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Nguyễn Văn Thời	Bố	13.587.167	18,36%
2.	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.613.064	2,18%
3.	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	3.332.805	4,50%

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ Ông Trần Cảnh Thông - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trần Cảnh Thông
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 03/09/1963
Số CMND: 023324942 Nơi cấp: TP, HCM Ngày cấp: 17/03/2009
Quốc tịch: Việt Nam
Điện thoại liên hệ: 0767655611
Địa chỉ thường trú: 351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3, TP, HCM
Trình độ chuyên môn: Tiến Sĩ
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Tháng 11/2004 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,
Tháng 04/2004 – Tháng 04/2009	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành – 2-4 Lưu Văn Lang, P, Bến Thành, Q,1, Thành phố HCM
Tháng 05/2020 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG,

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,

Số cổ phần nắm giữ: 5.641.822 cổ phần (tương ứng 7,62 % vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.641.822 cổ phần (tương ứng với 7,62% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có,

❖ Bà Lương Thị Thúy Hà - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ và tên: Lương Thị Thúy Hà
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 21/6/1969
Số CMTND: 090555417 Nơi cấp: CA Thái Nguyên ,Ngày cấp: 23/06/2016
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1992 – 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 04/2016	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2016 – 2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2018	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG, Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 516.147 cổ phần (tương ứng 0,7% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 516.147 cổ phần (tương ứng với 0,7% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987

Số CMTND: 090972003 Nơi cấp: Công An Thái Nguyên ,Ngày cấp: 01/03/2016

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất - Rosingly Inc., New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất - Amerex Group LLC, New York, NY
2011 - 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất - Kenneth Cole Production, New York, NY

Thời gian	Nơi làm việc
2013 - 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
02/2019 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York

Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green

Số cổ phần nắm giữ: 3.332.805 cổ phần (tương ứng 4,50% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.332.805 cổ phần (tương ứng với 4,50% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	13.587.167	18,36%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.613.064	2,18%
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	5.402.940	7,30%

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Giang**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986

Số CMTND: 030086000194 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, Ngày cấp: 03/07/2015

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: 0974238388

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010-12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
4/2012 - 6/2020	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 4/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
8/2018 đến nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
4/2019 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 đến nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
10/2019 đến nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
5/2020 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- *Tổng Giám đốc* - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
- *Thành viên HĐQT* - Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
- *Tổng Giám đốc* - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
- *Thành viên HĐQT* - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ)

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân*: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- *Được ủy quyền đại diện*: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Quang Vinh – Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên: Lê Quang Vinh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1969

Số CMTND: 011928722 Nơi cấp: Công An Hà Nội ,Ngày cấp: 04/11/2010

Quốc tịch: Việt Nam
Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Luật Sư
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1988 – 1995	Bộ Ngoại Giao
1995 -2010	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại An Vinh
2011 – nay	Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu
2017 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Bà Đỗ Thị Hà – Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Họ và tên: Đỗ Thị Hà
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 03/05/1960
Số CMTND: 090513872 Nơi cấp: Công An Thái Nguyên , Ngày cấp: 13/11/2013
Quốc tịch: Việt Nam
Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm
Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2017 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 1.613.064 cổ phần (tương ứng 2,18% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.613.064 cổ phần (tương ứng với 2,18% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Chồng	13.587.167	18,36%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	5.402.940	7,30%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.332.805	4.50%

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

12.2. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Mạnh	Tổng giám đốc
2	Lưu Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
3	Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc
4	Trần Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
5	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Ông Nguyễn Đức Mạnh – Tổng Giám đốc: Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị
- ❖ Ông Lưu Đức Huy – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lưu Đức Huy

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1970

Số CMTND: 090652816 Nơi cấp: Công An Thái Nguyên ,Ngày cấp: 26/07/2007

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Quang Vinh, Thành Phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1998	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
1998 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2001 – 2002	Trưởng Phòng Cơ điện Công ty May Thái Nguyên
2003	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2007 – 2010	Giám đốc Nhà máy Giặt – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011-2015	Giám đốc Nhà máy May Việt Thái – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015-2018	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 142.689 cổ phần (tương ứng 0,2% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 142.689 cổ phần (tương ứng với 0,2% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trần Minh Hiếu – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Trần Minh Hiếu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1979

Số CMTND: 091704585 Nơi cấp: Công An Thái Nguyên ,Ngày cấp: 08/08/2009

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành Phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2011	Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2013	Giám đốc chi nhánh kinh doanh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 64.739 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 64.739 cổ phần (tương ứng với 0,09% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

❖ **Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Đoàn Thị Thu

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/06/1972

Số CMTND: 090632991 Nơi cấp: Công An Thái Nguyên ,Ngày cấp: 20/07/2016

Quốc tịch: Việt Nam

Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phường Phú Xá, Thành Phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1997	Cán bộ Xí nghiệp May Bắc Thái
1998 – 2002	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
2003 -2007	Cán bộ Công ty May Xuất Khẩu Thái Nguyên
2008 – 2011	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2012 – 2014	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015 – 2016	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Thời gian	Nơi làm việc
2017 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG,
Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 183.521 cổ phần (tương ứng 0,25% vốn điều lệ)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 183.521 cổ phần (tương ứng với 0,25% vốn điều lệ),
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

- ❖ Bà Lương Thị Thúy Hà – Phó Tổng Giám đốc: Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.3. Ban Kiểm toán nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lương Thị Thúy Hà	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

- ❖ Bà Lương Thị Thúy Hà: Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.4. Kế toán trưởng

- ❖ Bà Trần Thị Thu Hà

Họ và Tên: **Trần Thị Thu Hà**
 Giới tính: **Nữ**
 Ngày tháng năm sinh: **1973**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Dân tộc: **Kinh**
 Điện thoại liên hệ: **+84 2083 858 508**
 Địa chỉ thường trú: **Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên**
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kế toán**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2016	Làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
2016 -2017	Phó Giám đốc chi nhánh thời trang TNGF của TNG
2018 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Chức vụ công tác hiện nay: **Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG**

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ : 74.839 tương ứng với tỷ lệ 0,1% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

13. Tài sản

Bảng 23: Tài sản cố định Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.788.883	697.011	1.091.873
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	780.454	208.438	572.015
2	Máy móc thiết bị	992.497	478.373	514.125
3	Phương tiện vận tải	9.496	4.602	4.894
4	Thiết bị văn phòng	4.506	4.376	130
5	Tài sản khác	1.930	1.221	709
	Tài sản cố định vô hình	40.529	16.637	23.892
1	Quyền sử dụng đất	16.784	1.697	15.088
2	Phần mềm máy tính	23.745	14.941	8.804
	Bất động sản đầu tư	34.576	2	34.574
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	34.576	2	34.574

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019

Bảng 24: Tài sản cố định Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.788.883	697.011	1.091.873
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	780.454	208.438	572.015
2	Máy móc thiết bị	992.497	478.373	514.125
3	Phương tiện vận tải	9.496	4.602	4.894
4	Thiết bị văn phòng	4.506	4.376	130
5	Tài sản khác	1.930	1.221	709
	Tài sản cố định vô hình	40.529	16.637	23.892
1	Quyền sử dụng đất	16.784	1.697	15.088
2	Phần mềm máy tính	23.745	14.941	8.804

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Bất động sản đầu tư	34.576	2	34.574
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	34.576	2	34.574

Nguồn: BCTC hợp nhất Kiểm toán năm 2019

Bảng 25: Tài sản cố định Công ty mẹ tại thời điểm 30/06/2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.875.760	768.057	1.107.702
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	855.565	227.738	627.827
2	Máy móc thiết bị	1.004.123	529.315	474.808
3	Phương tiện vận tải	9.496	5.469	4.027
4	Thiết bị văn phòng	4.506	4.184	322
5	Tài sản khác	2.070	1.352	1.092
	Tài sản cố định vô hình	43.528	18.105	25.423
1	Quyền sử dụng đất	19.783	1.929	17.855
2	Phần mềm máy tính	23.745	16.176	7.569

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng 2020

Bảng 26: Tài sản cố định Công ty hợp nhất tại thời điểm 30/06/2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.875.760	768.057	1.107.702
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	855.565	227.738	627.827
2	Máy móc thiết bị	1.004.123	529.315	474.808
3	Phương tiện vận tải	9.496	5.469	4.027
4	Thiết bị văn phòng	4.506	4.184	322
5	Tài sản khác	2.070	1.352	1.092
	Tài sản cố định vô hình	43.528	18.105	25.423
1	Quyền sử dụng đất	19.783	1.929	17.855
2	Phần mềm máy tính	23.745	16.176	7.569

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng 2020

Bảng 27: Tài sản cố định Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.980.245	804.793	1.175.452
	Tài sản cố định vô hình	43.528	18.822	24.706
	Bất động sản đầu tư	58.961	544	58.417

Nguồn: BCTC Riêng lẻ quý 3/2020

Bảng 28: Tài sản cố định Công ty hợp nhất tại thời điểm 30/09/2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tài sản cố định hữu hình	1.980.245	804.793	1.175.452
	Tài sản cố định vô hình	43.528	18.822	24.706
	Bất động sản đầu tư	58.961	544	58.417

Nguồn: BCTC Hợp nhất quý 3/2020

Bảng 29: Chi tiết sở hữu đất đai tại thời điểm 30/09/2020

TT	Vị trí	Mục đích sử dụng	Tổng diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng (năm)	Ghi chú
1	160 đường Minh Cầu, TP, Thái Nguyên	Khu vực văn phòng Công ty, chi nhánh TNG1, trung tâm TNG	13.179	50	GCNQSDĐ# AC588499, AO150 528, AC 588 500
2	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng, TP, Thái Nguyên	Nhà chung cư cho CBCNV	1.500	50	Chứng nhận đầu tư (CNĐT): 171 21 00000 080
3	Phường Tân Lập, TP, Thái Nguyên	Chi nhánh TNG 2	10.790	50	AO# 150 561, 150 562
4	Thị xã Sông Công	Chi nhánh TNG Sông Công 1,2,3,4	100.000	50	CNĐT# 17 221 000 02
5	Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, TP Thái Nguyên	Chi nhánh TNG Phú Bình 1,2,3,4	99.541	50	GCN# BA 866 388, QĐ 1638
6	Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, TP Thái Nguyên	Nhà ở tập thể	40.560	50	CNĐT# 17 321 000 015
7	Thị xã Sông Công	Chi nhánh TNG Sông Công – Chi nhánh Bông	25.000	50	CNĐT# 17 221 000 055
8	Xã Tiên Hội, Huyện Đại từ, Tỉnh Thái Nguyên	Chi nhánh TNG Đại từ	47.000	50	CNĐT# 17 121 000 013
Tổng cộng			338.110		

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi của TNG là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và sẽ tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho TNG trong nhiều năm tới. Bên cạnh đó Công ty cũng phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc, là giặt, bao bì, in, thêu, sau đó là bất động sản,...

TNG đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn như Decathlon, Columbia Sportswear, The Children's Place, Capital, Itochu, Cahard, John New York, Các khách hàng này đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với công ty và đều đề nghị TNG tăng thêm sản lượng hàng năm. Bên cạnh đó, TNG cũng tăng cường chủ động cung cấp nguyên phụ liệu và chuyển dần sang làm mẫu phát triển để tăng giá trị lợi nhuận trên sản phẩm.

TNG có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

14.2. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 30: Chi tiết thực hiện 2019 và kế hoạch 2020

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với thực hiện năm 2019
Doanh thu thuần	4.612.224	4.600.000	-0,3%
Lợi nhuận sau thuế	230.111	230.000	-0,05%
Vốn điều lệ	652.115	739.960(*)	13,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,9%	5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	35,3%	33,0%	-
Cổ tức	16%	16%	-

Nguồn: Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

(*) số thực tế tại thời điểm 30/9/2020. Công ty không có kế hoạch về vốn điều lệ

14.3. Cơ sở của kế hoạch kinh doanh

Cơ sở để HĐQT của Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:

- Các chi nhánh phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt chuẩn không dưới 97%;

- Đảm bảo ngày giao hàng gốc cho khách hàng đạt 100%,

Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: "không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo qui định của pháp luật";
- Tăng thu nhập cho người lao động: Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với qui định của nhà nước;
- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động;
- Bổ sung thêm xe đưa đón công nhân.

Không ngừng cải tiến hệ thống, tăng năng suất lao động bình quân:

- Sắp xếp nhà máy theo tiêu chuẩn - 5S;
- Áp dụng sản xuất tinh gọn theo – LEAN nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất;
- Cải tiến phương pháp quản lý máy móc thiết bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo dưỡng;
- Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện quản trị Công ty theo tiêu chuẩn ERP:

- Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau.

Tập trung đầu tư tăng chuyển may nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:

- Khai thác Nhà máy may TNG Đại Từ giai đoạn 2 vào quý III/2015 và tiếp tục đầu tư Nhà máy May TNG Phú Lương theo đúng lộ trình;
- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp tại các thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty như Mỹ, châu Âu. Công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì doanh thu xuất khẩu trong năm 2020, tuy nhiên, doanh thu nội địa đang có xu hướng tăng và công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực có thể mạnh như quần áo văn phòng. Bên cạnh đó, công ty đầu tư mạnh vào kênh bán hàng trực tuyến và các sản phẩm khẩu trang kháng khuẩn nhằm phục vụ nhu cầu trong nước.

9 tháng đầu năm, công ty đã đạt được 76,7% kế hoạch doanh thu và 56,1% kế hoạch về lợi nhuận. Do đó, công ty nhận thấy kế hoạch doanh thu 2020 có thể hoàn thành 100%, và có thể hoàn thành từ 80% đến 90% kế hoạch lợi nhuận.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. SJC nhận định lĩnh vực sản xuất ngành hàng may mặc mà Công ty đang sản xuất có tiềm năng phát triển do

nhu cầu hàng hóa dồi dào, thị trường phong phú, dự địa tăng trưởng cao từ thị trường nội địa. Thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", ngành dệt may hiện nay ngày càng được người tiêu dùng nội địa ưa chuộng, tăng trưởng trung bình 10 -15%/năm. Về thị trường xuất khẩu, chỉ tính riêng năm 2019, dệt may đã mang lại thặng dư thương mại 32.85 tỷ USD. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp tại các nước như Mỹ, châu Âu, công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì đơn hàng cũng như doanh thu xuất khẩu trong năm 2020 và sang nửa đầu năm 2021. Việc đặt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận cho cả năm 2020 đi ngang so với 2019 thể hiện quyết tâm của công ty trong việc giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, và theo chúng tôi là công ty có thể đạt được kế hoạch doanh thu và khoảng 80% đến 90% kế hoạch lợi nhuận.

Nắm bắt nhu cầu khẩu trang y tế và đồ bảo hộ tăng cao tại thị trường trong nước và xuất khẩu, công ty đã chủ động chuyển dịch sang sản xuất các sản phẩm như khẩu trang kháng khuẩn nano, đồ bảo hộ nhằm mục đích thúc đẩy doanh thu, phù hợp với xu hướng của thị trường. Các sản phẩm mới của Công ty đã đạt các chứng chỉ FDA và CE đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường lớn như Mỹ, châu Âu với chất lượng tốt, giá cạnh tranh.

Khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp trong ngành may mặc là sự biến động của nguồn lao động trong khu vực, nhưng bằng những chính sách thu hút lao động trong khu vực, lương thưởng và chế độ chính sách hợp lý, Công ty luôn có nguồn lao động ổn định, đảm bảo khả năng sản xuất kể cả trong những đơn đặt hàng lớn.

Bên cạnh đó, TNG phải đối mặt với khó khăn về vốn do Công ty thực hiện đầu tư lớn trong giai đoạn ngắn dẫn đến việc lệch nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh. Hiện tại, Công ty đang vay ngắn hạn khoảng 1,659 tỷ, và vay dài hạn 524 tỷ. Những biến động về lãi suất do đó cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về quản trị doanh nghiệp, chúng tôi đánh giá tốt chất lượng nghiệp vụ và quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty TNG. Với hơn 15,000 công nhân quy trình quản lý của công ty sẽ rất cồng kềnh nhưng bằng việc ứng dụng công nghệ quản lý tiên tiến, hệ thống đánh giá cán bộ theo chuẩn quốc tế, Công ty đã giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp, cơ cấu lại bộ máy điều hành, nâng cao chất lượng quản lý từ đó nâng cao được kết quả sản xuất kinh doanh.

Về chiến lược kinh doanh của Công ty, chúng tôi cho rằng TNG là một trong những doanh nghiệp chủ động nắm bắt được xu hướng dịch chuyển của thị trường trong nước cũng như thị trường xuất khẩu, qua đó thường dẫn đầu trong các doanh nghiệp dệt may trong việc phát triển sản phẩm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Trái phiếu chuyển đổi

Tại thời điểm 27/10/2020, công ty hiện tại có 127 trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 127.000.000.000 đồng đang lưu hành. Các trái phiếu chuyển đổi này có lãi suất cố định 4,8%, kỳ hạn

3 năm, trả lãi 3 tháng/lần, ngày đáo hạn là 12/12/2021. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này của TNG là tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp. Trái phiếu được chuyển đổi sang cổ phần phổ thông với giá tại ngày 27/10/2020 là 10,648 đ/cổ phần và được giá chuyển đổi điều chỉnh theo các sự kiện pha loãng như sau:

- (i) Nếu Tổ chức Phát Hành thực hiện ít nhất một trong các hoạt động sau: (A) việc tách hoặc chia nhỏ cổ phần, (B) gộp các cổ phần, (C) phân loại các cổ phần, (D) việc thay đổi mệnh giá cổ phần, (E) việc phát hành cổ phần thường, hoặc (F) việc chia cổ tức, và/hoặc
- (ii) Nếu Tổ chức Phát Hành phát hành bất kỳ Cổ phần hoặc cho phép thực hiện bất kỳ quyền chọn chứng khoán nào, chứng quyền hoặc bất kỳ chứng khoán chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Cổ phần nào, mà theo đó giá của Các Cổ phần được phát hành theo sự kiện nêu trên bị pha loãng và giảm giá ở một mức độ tương ứng, Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\text{Giá chuyển đổi điều chỉnh} = P \times (A+Bx C/D) / (A+B)$$

Trong đó:

- P là Giá chuyển đổi hiện tại ngay trước khi điều chỉnh
- A là tổng số Cổ phần đang lưu hành vào ngày mà sự kiện pha loãng có liên quan được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua (Cổ phần đang Lưu hành có nghĩa là tổng số Cổ phần đã phát hành trừ đi số Cổ phiếu quỹ, nếu có);
- B là số Cổ phần bổ sung sẽ được phát hành là kết quả của sự kiện pha loãng có liên quan; và
- C là giá mỗi cổ phần bổ sung do sự kiện pha loãng có liên quan; và
- D là giá đóng cửa của mỗi cổ phần vào ngày làm việc liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền đối với sự kiện pha loãng có liên quan

Trái phiếu thường

Bên cạnh trái phiếu được trình bày trong mục V.Chứng khoán niêm yết của Bản cáo bạch này, vào ngày 30 tháng 9 năm 2020, công ty đã phát hành 15.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mệnh giá trái phiếu là 10 triệu đồng/trái phiếu, tương ứng tổng giá trị đợt phát hành là 150 tỷ đồng, kỳ hạn 3 năm, trả lãi 3 tháng/lần với lãi suất cố định 10%/năm.

Đối tượng mua trái phiếu là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổng số lượng dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp.

Mục đích phát hành trái phiếu đợt này của TNG là tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp và bổ sung vốn để đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả trái phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại Trái Phiếu

Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo

2. Mệnh giá

Mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/cổ phiếu

3. Ngày phát hành

25/10/2019

4. Ngày đáo hạn

25/10/2022

5. Thời hạn trái phiếu

03 (ba) năm

6. Mục đích phát hành

Công ty sử dụng tiền thu được cho mục đích thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Doanh nghiệp, và tăng quy mô vốn hoạt động của Doanh nghiệp

7. Tổng số trái phiếu niêm yết

- Số lượng trái phiếu đã phát hành: 136 (Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu) trái phiếu
- Số lượng trái phiếu dự kiến niêm yết: 136 (Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu) trái phiếu

8. Lãi suất

Lãi suất Trái Phiếu là cố định 11,5%/năm cho toàn bộ Kỳ Hạn Trái Phiếu

9. Kỳ trả lãi

Kỳ trả lãi là 03 (ba) tháng. Kỳ trả lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán tiền mua Trái Phiếu (nếu Ngày Thanh Toán được thực hiện sau Ngày Phát Hành) và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên

10. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành

Không có

11. Xếp hạng tín nhiệm

Không có

12. Phương pháp tính giá

Giá của trái phiếu niêm yết sẽ được tính bằng giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư kỳ vọng nhận được từ việc nắm giữ trái phiếu cho đến ngày đáo hạn.

$$\text{Giá trái phiếu} = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i
n: là số ngày còn lại của Trái Phiếu chia cho số ngày trong 1 năm (365 ngày)
k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu tại ngày niêm yết là 11,5%

Giá định là ngày 25/01/2021 là ngày tính giá, dòng tiền mà nhà đầu tư kỳ vọng nhận được như sau:

Ngày tính giá trái phiếu 25/01/2021			
Ngày nhận được trái tức	Lãi nhận được cho 1 trái phiếu (đồng)	Số ngày tính lãi	Số ngày trả lãi còn lại của Trái Phiếu
25/04/2021	28.356.164	90	90
25/07/2021	28.671.233	91	181
25/10/2021	28.986.301	92	273
25/01/2022	28.986.301	92	365
25/04/2022	28.356.164	90	455
25/07/2022	28.671.233	91	546
25/10/2022	28.986.301	92	638

Giá trái phiếu niêm yết sẽ được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trái phiếu} &= \frac{28.356.164}{(1+11.5\%)^{\frac{90}{365}}} + \frac{28.671.233}{(1+11.5\%)^{\frac{181}{365}}} + \frac{28.986.301}{(1+11.5\%)^{\frac{276}{365}}} + \frac{28.986.301}{(1+11.5\%)^{\frac{365}{365}}} + \\ &\frac{28.356.164}{(1+11.5\%)^{\frac{455}{365}}} + \frac{28.671.233}{(1+11.5\%)^{\frac{546}{365}}} + \frac{28.986.301}{(1+11.5\%)^{\frac{638}{365}}} + \frac{1.000.000.000}{(1+11.5\%)^{\frac{638}{365}}} = 1.000.000.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Giá trái phiếu được tính tại ngày 25/01/2021 là 1.000.000.000 đồng

13. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức sau đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

- Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu
FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i
n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Ví dụ minh họa:

Giả sử một trái phiếu mệnh giá 1.000.000.000 đồng, thời gian đáo hạn còn lại là 2 năm, lãi suất trái phiếu 11,5%/năm, kỳ trả lãi 03 tháng/lần, hiện đang bán với giá 1.050.000.000 đồng. Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$1.050.000.000 = \frac{28.750.000}{(1+k)^{0,25}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{0,5}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{0,75}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^1} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{1,25}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{1,5}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{1,75}} + \frac{28.750.000}{(1+k)^{2,0}} + \frac{1.000.000.000}{(1+k)^2}$$

Trong đó: PV = 1.050.000.000 đồng, là giá giao dịch của trái phiếu

FV = 1.000.000.000 đồng, là mệnh giá trái phiếu

CF_i = 28.750.000 đồng, là lãi của Trái phiếu mỗi 3 tháng với lãi suất cố định 11,5%/năm

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 9,04%/năm. Do đó, YTM = 9,04%

14. Phương thức thực hiện quyền

14.1. Thanh toán gốc và lãi

Tổ Chức Phát Hành cam kết việc thanh toán gốc và lãi đối với Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành chuyển khoản vào ngày đến hạn khoản thanh toán có liên quan vào tài khoản đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách.

Các Trái Phiếu còn lại sau khi Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc mua lại Trái Phiếu theo điều 14.3 - Mua lại Trái phiếu theo quyền chọn của Tổ chức phát hành và 14.4- Mua lại Trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu Trái phiếu trong Bản Cáo Bạch này (nếu có) sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn

14.2. Lãi Trái phiếu

- (i) Lãi suất Trái phiếu là cố định 11,5%/năm cho toàn bộ kỳ hạn trái phiếu

- (ii) Trái phiếu được trả lãi sau định kỳ 03 (ba) tháng một lần
- (iii) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành (hoặc Ngày Thanh Toán tương ứng của mỗi Trái Phiếu nếu Ngày Thanh Toán được thực hiện sau Ngày Phát Hành) cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại, và được thanh toán vào các Ngày Thanh Toán Lãi. Nếu Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Mua Lại Trước Hạn, Ngày Đáo Hạn không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo ngày đó. Nếu ngày làm việc mới này lại rơi vào tháng sau (theo lịch) thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc gần nhất trước Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Mua Lại Trước Hạn, Ngày Mua Lại Bắt Buộc và/hoặc Ngày Đáo Hạn. Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Mua Lại Trước Hạn, Ngày Mua Lại Bắt Buộc và/hoặc Ngày Đáo Hạn mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được hoặc không nhận đầy đủ tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được bảo lưu mà không được hưởng lãi.
- (iv) Tiền lãi được hưởng được xác định theo công thức sau:

Tiền lãi được hưởng tại Ngày Thanh Toán Lãi	=	Tổng mệnh giá trái phiếu nắm giữ tại thời điểm "Ngày chốt danh sách"	x	Lãi suất Trái Phiếu cố định 11,5%/năm	x	Số ngày hưởng lãi thực tế trong Kỳ Tính Lãi
						365

- (v) Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán lãi Trái Phiếu kể từ Ngày Đáo Hạn, Ngày Mua Lại Trước Hạn, (tùy từng trường hợp áp dụng), trừ khi (A) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ tiền gốc của Trái Phiếu đến hạn tương ứng vào Ngày Đáo Hạn, Ngày Mua Lại Trước Hạn, (tùy từng trường hợp áp dụng); hoặc (B) Tổ Chức Phát Hành từ chối thanh toán các khoản tiền trên một cách bất hợp lý. Trong trường hợp đó, phần tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn, Ngày Mua Lại Trước Hạn (tùy từng trường hợp áp dụng) (kể cả trước và sau khi có phán quyết), và được tính kể từ và bao gồm cả Ngày Đáo Hạn, Ngày Mua Lại Trước Hạn, hoặc Ngày Mua Lại Bắt Buộc (tùy từng trường hợp áp dụng) cho đến, nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được khoản tiền gốc của Trái Phiếu. Để làm rõ, tiền lãi trên số tiền gốc Trái Phiếu chậm thanh toán được tính toán theo công thức sau:

Tiền lãi trên số tiền gốc Trái Phiếu chậm trả	=	Tiền gốc Trái Phiếu bị chậm trả	x	Lãi suất Trái Phiếu cố định 11,5%/năm	x	150%	x	$\frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm trả tương ứng}}{365}$
---	---	---------------------------------	---	---------------------------------------	---	------	---	--

(vi) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi Trái Phiếu đến hạn thì Tổ Chức Phát Hành phải trả lãi quá hạn đối với số tiền chậm trả tính từ và bao gồm cả ngày phát sinh nghĩa vụ chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất Trái Phiếu. Để tránh hiểu lầm, mức lãi suất để tính số tiền lãi trên số tiền lãi Trái Phiếu chậm trả là 150% x (nhân) 11,5% = (bằng) 17,25% (mười bảy phẩy hai mươi lăm phần trăm). Để làm rõ, tiền lãi trên số tiền lãi Trái Phiếu chậm trả được tính theo công thức sau:

Tiền lãi trên số tiền lãi Trái Phiếu chậm trả	=	Tiền lãi Trái Phiếu bị chậm trả	x	17,25 (%/năm)	x	$\frac{\text{Số ngày thực tế bị chậm trả tương ứng}}{365}$
---	---	---------------------------------	---	---------------	---	--

(vii) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn (tùy từng trường hợp áp dụng) mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận đủ tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu đến hạn theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện, nhưng việc chậm thanh toán này không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì số tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu đến hạn đó sẽ được bảo lưu mà không được tính lãi do việc chậm thanh toán.

14.3. Mua lại Trái phiếu theo quyền chọn của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành có thể đề nghị mua lại toàn bộ hoặc một phần số Trái Phiếu trước hạn vào sau 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành với số tiền thanh toán tại ngày Mua Lại bằng 100% tổng mệnh giá cộng (+) lãi Trái Phiếu đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán cho đến (nhưng không bao gồm) ngày Mua Lại tương ứng. Để thực hiện việc mua lại này, Tổ Chức Phát Hành phải (thông qua Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký) gửi thông báo chào mua ("Thông Báo Chào Mua") cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 40 (bốn mươi) ngày làm việc trước ngày Tổ Chức Phát Hành dự kiến thực hiện Mua Lại. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ tổng số Trái Phiếu sẽ mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Được Đề Xuất. Sau khi đã được gửi đi, Thông Báo Chào Mua sẽ không được hủy ngang trừ trường hợp được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận.

14.4. Mua lại Trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu Trái phiếu

Việc Mua Lại Theo Yêu Cầu có thể được thực hiện theo sự lựa chọn của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong bất kỳ sáu (6) giai đoạn sau đây (mỗi giai đoạn được gọi là "Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu"), theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

- Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Đầu Tiên bắt đầu vào (nhưng không bao gồm) ngày kỷ niệm mười tám (18) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi mốt (21) tháng của Ngày Phát Hành; mệnh giá của Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này không vượt quá mười phần trăm (10%) của Tổng Số Trái Phiếu Đã Được Phát Hành;
- Giai đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Thứ Hai (2) bắt đầu vào (nhưng không bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi mốt (21) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi tư (24) tháng của Ngày Phát Hành; mệnh giá của Trái phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này không vượt quá mười phần trăm (10%) của Tổng Số Trái Phiếu Đã Được Phát Hành ;
- Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Thứ Ba (3) bắt đầu vào (nhưng không bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi tư (24) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi bảy (27) tháng của Ngày Phát Hành; mệnh giá của Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này không vượt quá mười phần trăm (10%) của Tổng Số Trái Phiếu Đã Được Phát Hành;
- Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Thứ Tư (4) bắt đầu vào (nhưng không bao gồm), ngày kỷ niệm hai mươi bảy (27) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm) ngày kỷ niệm hai mươi bảyba mươi (30/27) tháng của Ngày Phát Hành; mệnh giá Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này không vượt quá mười phần trăm (10%) của Tổng Số Trái Phiếu Đã Được Phát Hành;
- Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Thứ Năm (5) bắt đầu vào (nhưng không bao gồm) ngày kỷ niệm ba mươi (30) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm) ngày kỷ niệm ba mươi ba (33) tháng của Ngày Phát Hành; sẽ không có hạn chế nào về mệnh giá của Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này; và
- Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu Thứ Sáu (6) bắt đầu vào (nhưng không bao gồm) ngày kỷ niệm ba mươi ba (33) tháng của Ngày Phát Hành và kết thúc vào (và bao gồm), ngày kỷ niệm ba mươi sáu (36) tháng của Ngày Phát Hành; sẽ không có hạn chế nào về mệnh giá của Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn này.

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phát hành đề nghị Mua Lại Theo Yêu Cầu bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành tối thiểu bốn mươi (40) ngày làm việc trước khi bắt đầu Giai

Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu liên quan. Đề nghị mua lại bằng văn bản này sẽ thể hiện Ngày Mua Lại Theo Yêu Cầu và mệnh giá số lượng của Trái Phiếu sẽ được mua lại.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành nhận được đề nghị bằng văn bản về việc Mua Lại Theo Yêu Cầu từ một Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định trên, không muộn hơn hai mươi (20) ngày làm việc trước khi bắt đầu Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu liên quan, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo xác nhận cho từng Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc Tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc Mua Lại Theo Yêu Cầu cho Giai Đoạn Mua Lại Theo Yêu Cầu đó, trong đó nói rõ mệnh giá của Trái Phiếu sẽ được mua lại bởi Tổ Chức Phát Hành từ Người Sở Hữu Trái Phiếu đó và bất kỳ khoản lãi cộng dồn tương ứng phát sinh theo Trái Phiếu đó mà chưa được thanh toán.

15. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Nhận thức rõ vai trò của lạm phát, Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 9,21% năm 2012, 6,6% năm 2013, 4,09% năm 2014, 0,63% năm 2015, 2,66% năm 2016, 3,53% cho năm 2017 và 3,54% cho năm 2018.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần nhất và cũng dưới mục tiêu 4% được Quốc hội đề ra. Dịch bệnh Covid-19 bùng phát đầu năm 2020 đến nay đã gây ra những phản ứng trái chiều lên lạm phát của các nhóm hàng. Các nhóm mặt hàng nhu yếu phẩm, thực phẩm như rau quả, thuốc y tế, điện sinh hoạt và nước sinh hoạt chứng kiến sự tăng cao do chủ trương cách ly xã hội của Nhà Nước. Trong khi đó các hoạt động vận tải, du lịch có mức giảm khoảng 1,74% trong quý 1 năm 2020.

Lạm phát thực tế đang có xu hướng giảm dần với CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019, song CPI tháng 6/2020 đã giảm 0,59% so với tháng 12/2019 và chỉ tăng 3,17% so với cùng kỳ năm trước. Hơn nữa, lạm phát cơ bản tháng 6/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 2,45% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

Dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tỷ lệ lạm phát vẫn giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế.

Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường,

Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức lãi suất cố định sẽ không chịu nhiều tác động từ những rủi ro tăng giảm lãi suất từ thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Chính phủ cùng cộng đồng đang chung tay thực hiện tốt việc kiểm soát và khống chế dịch bệnh. Qua đó giảm thiểu tối đa rủi ro của dịch Covid-19 lên nền kinh tế nói chung và lạm phát nói riêng trong tương lai.

16. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có

17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

18. Các loại thuế có liên quan

18.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần

18.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái phiếu là 5%

- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng

18.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

❖ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Địa chỉ: số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành Phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: +84 (280) 385 6425

Fax: +84 (280) 385 2060

Website: www.tng.vn

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12A tòa nhà Vinaconex Tower, 34, Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62 883 568

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Website: www.deloitte.com

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Địa chỉ: Số 87, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 028 3911 9999

Email: infosjcs@sjcs.com.vn

Website: www.sjc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II : Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết;
3. Phụ lục III : BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC quý 3/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
4. Phụ lục IV: Bản sao Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu
5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
6. Các tài liệu khác

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2020

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG



Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN VĂN THỜI

Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

LƯƠNG THỊ THÚY HÀ

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC



NGUYỄN ĐIỂM LY

TỔNG GIÁM ĐỐC



